

Số: /QĐ-THPTHT

Hiếu Tử, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước
năm 2025 của Trường THPT Hiếu Tử**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HIẾU TỬ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ -SGDDT, ngày 27/7/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Trà Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường THPT Hiếu Tử;

Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2024 của Sở GDĐT Trà Vinh về việc giao dự toán thu chi ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của Phòng Kế Toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu chi NSNN năm 2025 của Trường THPT Hiếu Tử (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Tại bản tin nội bộ và trên Cổng thông tin điện tử của Trường THPT Hiếu Tử.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Bộ phận kế toán, các bộ phận và cá nhân có liên quan trong đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Website;

- Lưu: VT.

Đính kèm:

- Biểu số 2

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hiếu

Đơn vị: Trường THPT Hiếu Tử
Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THPTHT ngày 07/01/2025)
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	641.341
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Học phí	170.784
3	Các khoản thu khác	470.557
3.1	Căng tin	32.664
3.2	Chăm sóc SKBD	18.884
3.3	Dạy thêm, học thêm	419.009
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	641.341
1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	623.702
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	17.639
1	Lệ phí, học phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Học phí	
3	Các khoản phí, lệ phí khác	17.639
3.1	60% nộp ngân sách (nguồn thu căng tin)	17.639
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.670.802
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.670.802
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	

2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.670.802
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.057.401
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	613.401
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Đơn vị: Trường THPT Hiếu Tử
Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Kèm theo Quyết định số /QĐ-THPTHT ngày 07 /01/2025)

		<i>Đvt: ngàn đồng</i>
Số		
TT	Nội dung	<i>Dự toán được giao</i>
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	2.161,344
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Học phí	421,344
3	Căng tin	190,000
4	Chăm sóc SKBD	50,000
5	Dạy thêm, học thêm	1.500,000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.131,344
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.001,317
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.001,317
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	130,027
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
3	Nộp ngân sách nhà nước	130,027
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.263,657

3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.514,754
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	748,903
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	

- 9 Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
 - 9.1 Dự án A
 - 9.2 Dự án B
- 10 Chi sự nghiệp thể dục thể thao
 - 10.1 Dự án A
 - 10.2 Dự án B
- III Nguồn vay nợ nước ngoài
 - 1 Chi quản lý hành chính
 - 1.1 Dự án A
 - 1.2 Dự án B
 - 2 Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ
 - 2.1 Dự án A
 - 2.2 Dự án B
 - 3 Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề
 - 3.1 Dự án A
 - 3.2 Dự án B
 - 4 Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình
 - 4.1 Dự án A
 - 4.2 Dự án B
 - 5 Chi bảo đảm xã hội
 - 5.1 Dự án A
 - 5.2 Dự án B
 - 6 Chi hoạt động kinh tế
 - 6.1 Dự án A
 - 6.2 Dự án B
 - 7 Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
 - 7.1 Dự án A
 - 7.2 Dự án B
 - 8 Chi sự nghiệp văn hóa thông tin
 - 8.1 Dự án A
 - 8.2 Dự án B
 - 9 Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn
 - 9.1 Dự án A
 - 9.2 Dự án B
 - 10 Chi sự nghiệp thể dục thể thao
 - 10.1 Dự án A
 - 10.2 Dự án B